TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ - ST
Ngày 07/02/2018.
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phi.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Ninh.

Ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX - ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Anh Dương Ngọc T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Mp, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn M, xã Gia X, huyện G, tỉnh N.

Anh T có mặt tại phiên tòa. Chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2017 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Dương Ngọc T trình bày: Giữa chị T và anh Dương Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã tiến hành đăng ký kết hôn năm 1990 tại Uỷ ban nhân dân xã GX, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn M, xã GX, huyện G, tỉnh N, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian khá dài, và đã có hai con chung với nhau, đến tháng 1 năm 2006 thì chị T tự ý bỏ nhà đi không thông báo cho ai biết lý do. Mặc dù gia đình tìm kiếm nhiều nơi song không

biết tin tức gì về chị T. Anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ntuyên bố chị Dương Thị T mất tích. Tại quyết định số 01/2013/QĐST – VDS ngày 24/12/2013 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N đã tuyên bố chị Dương Thị T mất tích. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn anh T đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị T.

Về con chung: quá trình sống chung anh T và chị T có 02 con chung, gồm Dương Thị H, sinh ngày 24/02/1992; Dương Văn M, sinh ngày 01/7/1995. Hiện nay cả hai người con chung đều đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, nên anh T không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Dương Thị T có địa chỉ: Thôn M G, xã G, huyện G, tỉnh N, đã được Tòa án nhân dân huyện G tuyên bố chị Dương Thị T mất tích tại Quyết định số 01/2013/QĐST – VDS ngày 24/12/2013. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật về niêm yết công khai văn bản tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì phiên tòa đã hoãn lần thứ nhất.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của anh Dương Ngọc T và chị Dương Thị T hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng nh lời trình bày của anh T tại phiên tòa đã thể hiện rõ: Sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó chị T bỏ đi đâu không rõ địa chỉ, không thông báo cho anh T nơi chị T sinh sống, mặc dù anh T và gia đình tìm kiếm nhiều nơi song không biết chị T ở đâu, còn sống hay đã chết, anh T cũng đã đề nghị tòa án nhân dân huyện G tuyên bố chị Dương Thị T mất tích. Tại quyết định số 01/2013/QĐST – VDS ngày 24/12/2013 Tòa án nhân dân huyện G V,

tỉnh N đã tuyên bố chị Dương Thị T mất tích. Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình " Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn". Như vậy, chị Dương Thị T đã bị tòa án Tuyên bố mất tích, cần chấp nhận yêu cầu của anh Dương Ngọc T xin ly hôn đối với chị Dương Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T khai, anh và chị T có hai con chung, gồm Dương Thị H, sinh ngày 24/02/1992; Dương Văn M, sinh ngày 01/7/1995. Hiện nay cả hai người con chung đều đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, nên anh T không đề nghị tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng anh M và chị H là con chung của chị T và anh T đều đã có bản khai tại tòa và đều thể hiện mình đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Do đó vấn đề con chung, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không đề nghị tòa án xem xét về quan hệ con chung, tài sản và công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tại phiên tòa.

Về án phí: Anh Dương Ngọc T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Dương Ngọc T, cho anh Dương Ngọc T được ly hôn vắng mặt chị Dương Thị T.

2. Về án phí:

Anh Dương Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04111 ngày 29/11/2017.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS;
- VKS huyện G;
- Toà án tỉnh N;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ PHI